

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC · HIỆU QUẢ · HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Tên tiếng Anh: **Business Administration**

Mã ngành: **7340101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527 /QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	4
3. Chuẩn đầu vào	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
1. Mục tiêu cụ thể	5
2. Chuẩn đầu ra	6
2.1. Kiến thức	6
2.2. Kỹ năng	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	7
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	7
2. Khung chương trình đào tạo	8
3. Mô tả học phần	11
4. Sơ đồ đào tạo.....	37
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra.....	37
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy	37
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	38
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	39
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	43
10. Thông tin cập nhật	44

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Tiền thân của Khoa Kinh tế - Luật là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31/10/2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26/10/2015.

Khoa KTL có 05 bộ môn (BM): BM Kế toán – Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng, nhiệm vụ của Khoa KTL được quy định tại Khoản d Mục 1 Điều 11 Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01/02/2021 của Hiệu Trưởng Trường ĐHTG quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTG như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.
- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.
- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.
- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.
- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Quản trị kinh doanh

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
- + Tiếng Anh: **Business Administration**
- Mã ngành: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
 - + Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.
 - + Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QTKD tổng hợp, Trường Đại học Tài chính - Marketing TP. HCM.
 - + Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QTKD, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên sâu và mở rộng về Quản trị kinh doanh; có kỹ năng thực hành, thực tiễn nghề nghiệp Quản trị kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn của Quản trị kinh doanh để phục vụ cộng đồng và xã hội.

Người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, nghiên cứu, tự học nâng cao trình độ; có năng lực khởi nghiệp, phát huy tiềm năng của bản thân, sống hài hòa và hạnh phúc.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ để phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

PO02: Kiến thức tổng quan và cơ sở ngành Quản trị kinh doanh.

PO03: Kiến thức ngành, nâng cao, mở rộng và thực tiễn về ngành Quản trị kinh doanh.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; có trách nhiệm với nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng và xã hội.

PO05: Kỹ năng khám phá tri thức mới, sáng tạo cách làm mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

PO06: Kỹ năng nghề nghiệp của một người làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO07: Kỹ năng phân tích, tư duy, phản biện, đàm phán, thuyết trình, giao tiếp; ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ; làm việc, tổ chức, điều hành và lãnh đạo nhóm để làm việc và phát triển trong môi trường thực tiễn kinh doanh luôn đổi mới.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng dẫn dắt người khác và khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Yêu nghề, phẩm chất cá nhân, trung thực và thích ứng linh hoạt với các môi trường làm việc.

PO11: Có trách nhiệm cao đối với công việc, tổ chức và cộng đồng; tác phong làm việc chuẩn mực.

1.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành QTKD có khả năng đảm nhiệm các vị trí công việc cụ thể:

- Quản lý hoặc chuyên viên tại nhiều bộ phận khác nhau: nhân sự, marketing, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, truyền thông và quảng cáo, dự án,...của các doanh nghiệp trong nhiều ngành kinh doanh khác nhau;

- Tự thành lập và điều hành doanh nghiệp;

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, hoặc nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu kinh tế, quản lý.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ

Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức, kỹ năng về kinh tế, quản trị và kinh doanh, sau tốt nghiệp có thể:

- Học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành Quản trị kinh doanh của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; học các chương trình văn bằng hai ngành gần.

- Tự học tập, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết còn thiếu đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với các môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật

K02. Kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

K03. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và mở rộng ngành quản trị kinh doanh để áp dụng linh hoạt trong thực tiễn các môi trường kinh doanh và sự phát triển của công nghệ.

K04. Kiến thức thực tế về hoạt động quản lý và kinh doanh trong doanh nghiệp.

K05. Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức vận hành và đánh giá quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hoá, vận hành chương trình/dự án kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

S01. Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc các thành viên trong nhóm.

S02. Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

S03. Kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thuyết phục, xây dựng mối quan hệ và nói trước công chúng.

S04. Kỹ năng cần thiết để có thể lập kế hoạch, phân tích và đánh giá kế hoạch/dự án kinh doanh.

S05. Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

A02. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có những tố chất cần thiết của nhà lãnh đạo; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

A03. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn và trách nhiệm với cộng đồng.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x												
PO02		x		x	x								
PO03			x	x	x								
PO04						x				x			
PO05						x			x	x			
PO06						x		x	x	x			
PO07						x	x	x	x				
PO08											x	x	
PO09												x	
PO10											x	x	
PO11											x		x

Ghi chú: dấu (x) là thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình : **153**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **125**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2)

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	31	02	33	26,40
2	Kiến thức cơ sở ngành	23	02	25	20,00
3	Kiến thức ngành	33	12	45	36,00
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	05	09	14	11,20
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	00	08	08	6,40
Tổng cộng		92	33	125	100%

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							2	2	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên							11	8	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	08133+
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
31632	Chuyển đổi số	15	30				2	2	
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1 Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1		12391+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
12481	Cầu lông 2			30			1	1*	12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết*		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							36	33	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	25	
66043	Kinh tế vi mô	30	30				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	30	30				3	3	66043+
67003	Quản trị học	30	30				3	3	
67183	Tiếng Anh chuyên ngành	30	30				3	3	08044+
67482	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	15	30				2	2	08733D+
68063	Nguyên lý kế toán	30	30				3	3	
70013	Marketing căn bản	30	30				3	3	
71073	Luật thương mại	45	0				3	3	71012+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	15	30				2	2	
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	15	30				2		
2.2. Ngành							51	45	
67123	Quản trị nhân lực	45					3	3	67003+
67173	Quản trị chất lượng	45					3	3	67003+
67213	Quản trị chiến lược	45					3	3	67123+ 67173+ 67233+ 67273+
67223	Quản trị đổi mới sáng tạo	30	30				3	3	67003+
67233	Quản trị sản xuất	30	30				3	3	67003+
67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	30	30				3	3	
67273	Quản trị Marketing	45	0				3	3	70013+
67313	Quản trị chuỗi cung ứng	30	30				3	3	67003+
67343	Thương mại điện tử	30		30			3	3	67003+ 70013+
67513	Phân tích định lượng trong kinh doanh	30		30			3	3	67482+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
69153	Quản trị tài chính	45					3	3	67003+
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 12 TC)									
67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	45					3	12	
67163	Quản trị kinh doanh quốc tế	30	30				3		67003+
67243	Quản trị rủi ro	45					3		67003+
67293	Quản trị dự án	30	30				3		67003+
67333	Quản trị thương hiệu	45					3		67003+ 70013+
70053	Quản trị bán hàng	45					3		67003+ 70013+
2.3. Bổ trợ							20	14	
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	30	30				3	3	67003+ 70013+
67472	Giao tiếp kinh doanh	15	30				2	2	
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 9 TC)									
67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	15	30				2	9	
67052	Nghệ thuật lãnh đạo	15	30				2		
67192	Quản trị hành chính văn phòng	15	30				2		
67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	15	30				2		
67523	Phân tích và dự báo trong kinh doanh	30	30				3		68063+ 69153+
68122	Kế toán quản trị	15	30				2		
69112	Thị trường chứng khoán	15	30				2		
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận cuối khóa							19	8	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67955	Chuyên đề cuối khóa				225		5	5	67213+ 69153+
67533	Quản trị KPI	30	30				3	3	67123+
67543	Quản trị quan hệ khách hàng	30	30				3		67273+
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67968	Khóa luận cuối khóa					480	8	8	67213+ 69153+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							117	92	
Số tín chỉ tổng cộng: 153 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 125 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) *Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khoá học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.*

(**) *Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.*

- *MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.*

- *LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.*

- *TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.*

- *ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.*

- *TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.*

- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*

- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*

- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺*

3. Mô tả học phần

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho*

bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung,, NXB Chính trị quốc gia, 2010.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (02112)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (01202)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Pháp luật đại cương, sinh viên biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.

[2]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.7. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 1, sinh viên hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.8. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 2, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quân áo, thời trang và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng

vấn xin việc. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.9. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08034)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 3, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và dinh dưỡng và nói các chủ đề về tội phạm, kế hoạch và dự định trong tương lai. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông báo và một email.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

[2]. Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition, Oxford University Press, 2012.

3.10. Toán cao cấp C (08133)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Toán cao cấp C, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phép tính vi/tích phân hàm số một biến số, phép tính vi phân hàm số nhiều biến số, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Đình Trí, Giáo trình Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

[2]. Nguyễn Đình Trí, Bài tập toán học cao cấp, tập 1, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

[3]. Thomas Holey, Armin Wiedemann, *Analysis and Linear Algebra: An Introduction for Economists*, 5th edition, Springer, 2021.

[4]. Ron Larson, Bruce Edwards, *Calculus*, Cengage Learning, 2023.

3.11. Xác suất thống kê A (08733D)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán cao cấp C (08133)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Xác suất thống kê A, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về xác suất (bao gồm: xác suất và công thức tính xác suất của một sự kiện, phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên) và thống kê (bao gồm: lấy mẫu và xử lý mẫu; ước lượng các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy).

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hoàng Ngọc Nhậm, Xác suất và thống kê toán, NXB Đại học Kinh tế TpHCM, TP.HCM, 2009.

[2]. Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn, Phạm Trí Cao, Bài tập Xác suất Thống kê, NXB ĐH Kinh tế Tp HCM, 2008.

[3]. Mark L. Berenson, David M. Levine, Kathryn A. Szabat, David F. Stephan, Basic Business Statistics: Concepts and Applications, 14th edition, Pearson, New York, 2023.

3.12. Tin học ứng dụng cơ bản (30053)

- Số tín chỉ: 3 (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tin học ứng dụng cơ bản, sinh viên có thể vận dụng được các kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014 bao gồm: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính cơ bản, xử lý văn bản cơ bản, sử dụng bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu cơ bản và sử dụng Internet cơ bản. Qua học phần này, sinh viên nhận biết được các năng lực số (Digital Literacy) cơ bản để giao tiếp, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

- Tài liệu tham khảo chính: Khoa Công nghệ thông tin, *Bài giảng Tin học ứng dụng cơ bản*, Trường Đại học Tiền Giang, 2017.

3.13. Chuyển đổi số (31632)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Chuyển đổi số, sinh viên có khả năng hiểu, giải thích và vận dụng được các kiến thức sau vào thực tiễn: Hiểu được những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số; giải thích được các khái niệm, thuật ngữ và các vấn đề cốt lõi trong chuyển đổi số; biết được phương pháp luận ST-235 của chuyển đổi số; biết được chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số quốc gia nhìn theo ST-235; chuyển đổi số các lĩnh vực kinh tế-xã hội; chuyển đổi số trong tổng thể chiến lược phát triển địa phương; chuyển đổi số doanh nghiệp. Có kỹ năng lựa chọn, vận dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; có năng lực làm việc nhóm. Ý thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số trong cuộc sống hiện nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang, *Chuyển đổi số thế nào?*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2022.

[2]. Thomas M. Siebel (Phạm Anh Tuấn dịch), *Chuyển đổi số (Digital Transformation)*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2022.

3.14. Thể dục và điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thể dục Điền kinh, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2018.

3.15. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyền 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, 2019.

3.16. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, 2019.

3.17. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính: Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

3.18. Bóng rổ 1 - MHP: 12411

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả học phần:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội, 2020.

3.19. Bóng chuyền 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyền 2, sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền* NXB TDTT, 2019.

3.20. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, 2019.

3.21. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

3.22. Bóng rổ 2 (12461)

- Số tín chỉ: 1 (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 2, sinh viên hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội, 2020.

3.23. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

3.24. Kinh tế vi mô (66043)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Kinh tế học vi mô là môn khoa học xã hội; nghiên cứu hành vi, cách ứng xử của từng tác nhân như các hộ gia đình, người tiêu dùng, các doanh nghiệp trong các loại thị trường nhằm đạt lợi ích cao nhất khi sản xuất, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ. Biết qui luật cung - cầu của thị trường, các dạng thị trường và sự hình thành của giá cả, điều kiện để doanh nghiệp tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận trong từng loại thị trường từ đó có thể tối đa hoá được lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng loại thị trường của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính: Lê Bảo Lâm (chủ biên), *Giáo trình Kinh tế vi mô (Tái bản lần XII)*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2019.

3.25. Kinh tế vĩ mô (66063)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô (66043)

- Mô tả:

Hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua lý thuyết và mô hình kinh tế, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, việc

làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp,... Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho phân tích các chính sách kinh tế và tác động của nó đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính: Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, *Giáo trình Kinh tế vĩ mô*, Trường ĐH Tài Chính – Marketing, 2021.

3.26. Quản trị học (67003)

- Số tín chỉ: (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học thông hiểu những khái niệm chung về quản trị, nhiệm vụ của nhà quản trị và các chức năng chính về quản trị như: hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát các hoạt động đã đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức; Phân tích, phát hiện, đưa ra quyết định và giải quyết những vấn đề cơ bản liên quan đến các chức năng quản trị; Có khả năng làm việc với người khác thông qua việc chia sẻ kiến thức về quản trị đại cương; Khách quan trong việc ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ quản trị.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh, *Quản trị học*, NXB Tài chính, 2022.

3.27. Tiếng Anh chuyên ngành (67183)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tiếng Anh 3 (08044)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này người học, biết được cách sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh thích hợp trong giao tiếp và trình bày các chủ đề liên quan đến môi trường kinh doanh; biết cách trả lời điện thoại, bán hàng bằng tiếng Anh; biết cách sử dụng tiếng Anh để viết một bài luận, email, đơn xin việc, lịch công tác và một số biểu mẫu đăng ký thường gặp khi đi công tác. Người học đọc hiểu được các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh và các tài liệu bằng tiếng Anh có liên quan, sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trình bày các chủ đề liên quan đến môi trường kinh doanh, quản lý thời gian, trả lời điện thoại, bán hàng; viết một bài luận, email, đơn xin việc, lịch công tác và điền một số biểu mẫu đăng ký thường gặp khi đi công tác; giao tiếp, làm việc theo cặp hoặc theo nhóm. Ngoài ra, người học hiểu được tầm quan trọng của tiếng Anh và sự khác biệt về mặt nghĩa của từ vựng trong kinh doanh; vận dụng kỹ năng ngôn ngữ để có thể làm việc trong lĩnh vực kinh doanh.

- Tài liệu tham khảo chính: Marc Roche, *Business English Communication: Advanced Skills*, Amazon Digital Services LLC - KDP Print US, 2020

3.28. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (67482)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Xác xuất thống kê A (08733D)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này người học, hiểu được tầm quan trọng và ứng dụng của nghiên cứu khoa học trong kinh doanh; hiểu được cách xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; hiểu được cách thiết kế tiến trình thực hiện nghiên cứu; hiểu được cách xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học; hiểu được cách thu thập thông tin và xử lý số liệu; hiểu được cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Người học vận dụng kiến thức để hình thành được vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các phương pháp thực hiện trong từng bước nghiên cứu khoa học một cách đúng đắn, phối hợp làm việc nhóm một cách hữu hiệu trong công tác trong nghiên cứu. Học phần này góp phần hình thành năng lực tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong quản trị kinh doanh dựa trên tư duy khoa học; nhận thức đúng và thể hiện chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đinh Bá Hùng Anh và các tác giả, *Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội và hướng dẫn viết luận văn, luận án*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2022.

[2] Nguyễn Văn Thắng, *Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2019.

3.29. Nguyên lý kế toán (68063)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán, người học biết được các nội dung cơ bản về kế toán; Lập báo cáo kế toán; Sử dụng tài khoản kế toán; Ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán và lập chứng từ kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; Kiểm kê; Các hình thức sổ kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán.; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Việt (chủ biên), *Nguyên lý kế toán*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2019.

3.30. Marketing căn bản (70013)

- Số tín chỉ: (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được khái niệm, mục tiêu và vai trò của marketing; Hiểu và phân loại được môi trường marketing; Hiểu được hành vi khách hàng; Hiểu được phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm; Hiểu được chiến lược Marketing Mix. Có khả năng phân tích môi trường marketing của một doanh nghiệp; Có khả năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng; Có khả năng phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm cho một sản phẩm; Xây dựng chiến lược marketing mix. Người học tư duy và giải quyết các tình huống marketing liên quan đến các doanh nghiệp; Nghiêm túc, chủ động vận dụng kiến thức của học phần trong việc đánh giá hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính: Quách Thị Bửu Châu, *Marketing căn bản*,

NXB Lao động, 2018.

3.31. Luật thương mại (71073)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương (71012)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết được kiến thức cơ bản về Luật Thương mại, vai trò của Luật Thương mại trong nền kinh tế thị trường; địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống liên quan lĩnh vực thương mại; tư vấn cho nhà đầu tư lựa chọn được loại doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.32. Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần này tập trung làm rõ những vấn đề sau: tổng hợp thống kê, các chỉ tiêu phản ánh mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội, phương pháp phân tích dãy số thời gian và kiểm định thống kê trong kinh tế. Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính: Phạm Ngọc Kiểm (chủ biên), *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020.

3.33. Lý thuyết tài chính - tiền tệ (66002)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ, người học biết được các kiến thức lý luận cần thiết về tài chính, hệ thống tài chính, tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, lạm phát, các công cụ chính sách tiền tệ;...Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống về lĩnh vực tài chính-tiền tệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2021.

[2] Nguyễn Thị Hồng Nhung, *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2019.

3.34. Quản trị nhân lực (67123)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Quản trị học (67003)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học giải thích và sử dụng được lý thuyết về các hoạt động quản trị nhân lực cơ bản như phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá nhân viên, trả công lao động và quan hệ lao động trong tổ chức; Giải thích được ba chức năng thu hút, duy trì và sử dụng, đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức; Phân tích và ứng dụng lý thuyết quản trị nhân lực vào thực tế hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức để suy luận, phân tích và giải quyết vấn đề mang tính lý thuyết, học thuật liên quan đến hoạt động quản trị nguồn nhân lực; Hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra các chức năng quản trị nguồn nhân lực; Trình bày, giao tiếp trong việc thực hiện công việc; Làm việc, tổ chức, điều hành và lãnh đạo nhóm. Người học có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Có năng lực làm việc độc lập và giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực; Điều khiển và kiểm tra người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Đánh giá và điều chỉnh chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính: Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp Tp. HCM, 2018.

3.35. Quản trị chất lượng (67173)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Quản trị học (67003)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được vai trò của quản trị chất lượng trong tổ chức, các khái niệm về chất lượng, các thuộc tính của sản phẩm, các nguyên tắc quản lý chất lượng hiện đại; Hiểu và sử dụng phù hợp các phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm, chất lượng hệ thống; Nhận biết và sử dụng được các công cụ, phương pháp, kỹ thuật quản lý chất lượng; Hiểu được các yêu cầu, nguyên tắc của hệ thống quản trị chất lượng và nội dung của các hệ thống quản trị chất lượng quốc tế như: ISO, TQM, HACCP, GMP, GAP. Sử dụng được các công cụ kiểm soát chất lượng, các phương pháp, kỹ thuật quản lý chất lượng để cải tiến năng suất và chất lượng công việc được giao; Tổ chức thực hiện và đánh giá nội bộ HTQLCL nhằm cải tiến liên tục các quá trình cụ thể trong tổ chức; Đọc và phân tích được thông tin quản trị chất lượng qua mã số, mã vạch; Tư duy và biết cách vận dụng các kiến thức quản trị chất lượng giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Sử dụng tốt các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm. Tham gia và phối hợp hoạt động tập thể có kỷ luật và nghiêm túc trong quản lý chất lượng; Hình thành năng lực tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Thị Đông, Đặng Ngọc Sự, *Giáo trình Quản trị Chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2022.

[2] Đỗ Tiến Minh, *Giáo trình quản trị chất lượng*, Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, 2020.

[3] Hoàng Xuân Hiệp, *Giáo trình quản lý chất lượng trong doanh nghiệp may công nghiệp*, NXB Giáo Dục Việt Nam, 2021

3.36. Quản trị chiến lược (67213)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị nhân lực (67123), Quản trị chất lượng (67173), Quản trị sản xuất (67233), Quản trị marketing (67273).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được khái niệm về quản trị chiến lược và cách ứng dụng quản trị chiến lược trong tổ chức kinh doanh; Mô tả được các định nghĩa và thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong quản trị chiến lược; Giải thích quá trình phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức; Biết lựa chọn, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược. Áp dụng phân tích các ma trận để xây dựng và phát triển các chiến lược; Áp dụng phân tích đánh giá chiến lược trên các nghiên cứu trường hợp thực tế; Áp dụng các công cụ phân tích khác nhau để đánh giá năng lực cạnh tranh của tổ chức và ra quyết định chiến lược. Có nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc hoạch định chiến lược; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và có khả năng sáng tạo trong công việc.

- Tài liệu tham khảo chính: Fred David, *Quản trị chiến lược - Khái luận & các tình huống (bản tiếng Việt)*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020.

3.37. Quản trị đổi mới sáng tạo (67223)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này người học, thông hiểu về đổi mới và sáng tạo, các mô hình đổi mới, các yếu tố hình thành lợi nhuận từ sự đổi mới, nguồn gốc của sự đổi mới; Thiết lập và sử dụng được các mô hình đổi mới, vận dụng được các yếu tố hình thành lợi nhuận từ sự đổi mới, nguồn gốc đổi mới vào các hoạt động thực tế của doanh nghiệp; Vận dụng các kiến thức về đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính: Harvard Business review, *Đổi mới sáng tạo*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.

3.38. Quản trị sản xuất (67233)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003)

- Mô tả học phần:

Sau khi học xong học phần này, người học thông hiểu các phương pháp dự báo định lượng, các mô hình tồn kho, các phương pháp hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, hoạch định tổng hợp, lập lịch sản xuất cho doanh nghiệp; Biết cách dự báo định lượng và xây dựng được chiến lược hoạch định tổng hợp cho doanh nghiệp đảm bảo cân đối giữa cung và cầu; Ứng dụng được các mô hình tồn kho để xác định lượng đặt hàng kinh tế và chi phí; Hoạch định được nhu cầu nguyên vật liệu và biết cách xác định kích thước lô hàng cho các loại nguyên vật liệu phụ thuộc; Lập lịch sản xuất cho công việc đạt hiệu quả cao nhất; Chủ động vận dụng kiến thức của học phần vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, *Giáo trình Quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018

3.39. Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức (67263)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh, trách nhiệm xã hội của tổ chức, văn hóa của tổ chức, các biểu trưng hay các loại hình văn hóa tổ chức; Biết được các phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh. Người học vận dụng các phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh; Phân tích được những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; Tư duy, phân tích, nhận diện các loại văn hóa của tổ chức; Giao tiếp ứng xử có văn hóa và đạo đức trong mối quan hệ con người, trong công việc. Bên cạnh đó, người học sẽ tự chủ trong phân tích hành vi đạo đức kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của tổ chức; Quyết đoán và có trách nhiệm trong việc ra quyết định về các vấn đề liên quan đến đạo đức trong kinh doanh hay trong cách ứng xử và tiếp cận với các loại văn hóa của tổ chức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Văn Hải và Đặng Thị Hương, *Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.

[2] Lê Văn Cẩm, *Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.

3.40. Quản trị marketing (67273)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Marketing căn bản (70013).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được quy trình lập các chiến lược marketing từ phân tích cơ hội thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, các hoạt động marketing-mix đến những nội dung cần triển khai, điều khiển và kiểm tra đánh giá các kế hoạch marketing của doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức để tư duy, suy luận, phân tích các vấn đề thực tiễn từ hoạt động marketing của doanh nghiệp; có kỹ năng lập một kế hoạch marketing và triển

khai thực hiện; kiểm tra & đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp; Có kỹ năng thuyết trình, giải quyết vấn đề, thuyết phục, đàm phán với các đối tác cung cấp các dịch vụ thực hiện các kế hoạch marketing; kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; Có kỹ năng đọc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng anh; kỹ năng sử dụng công nghệ trong các kế hoạch marketing. Người học có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Đánh giá và điều chỉnh chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính: Philip Kotler, *Quản trị marketing*, NXB Lao động xã hội, 2020.

3.41. Quản trị chuỗi cung ứng (67313)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này người học, hiểu được các khái niệm, phân loại và vai trò của quản trị chuỗi cung ứng; Hiểu được nội dung cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng; Hiểu được khái niệm và vai trò của dịch vụ khách hàng; Hiểu được các giải pháp nhằm đánh giá và cải tiến hoạt động dự trữ, thu mua, bảo quản kho hàng, bao bì, hệ thống thông tin; Hiểu được các hệ thống kiểm soát chuỗi cung ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để lựa chọn chiến lược chuỗi cung ứng phù hợp với đặc điểm sản phẩm và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá và cải tiến hoạt động dự trữ, thu mua, bảo quản kho hàng, bao bì, hệ thống thông tin; kiểm soát chuỗi cung ứng; Giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả. Bên cạnh đó, người học sẽ nhận thức được vai trò của quản trị chuỗi cung ứng đối với doanh nghiệp và các bên liên quan; trách nhiệm với các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Minh Hiếu, *Quản trị logistics và chuỗi cung ứng*, NXB Tài chính, 2022.

[2] An Thị Thanh Nhân, *Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Thống kê, 2022.

[3] Đinh Bá Hùng Anh, *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020.

3.42. Thương mại điện tử (67343)

- Số tín chỉ: 3 (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003), Marketing căn bản (70013).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu các kiến thức tổng quan về thương mại điện tử; phân biệt được các mô hình kinh doanh trực tuyến điển hình; hiểu được thị trường trực tuyến, hành vi khách hàng trực tuyến và các giải pháp marketing trực tuyến; hiểu và sử dụng hợp lý các phương tiện, phương thức thanh toán trực tuyến; tóm tắt quy trình xây dựng dự án thương mại điện tử,

lựa chọn phương án và triển khai dự án thương mại điện tử. Người học phát triển kỹ năng thực hành liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử: thiết lập, sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán trực tuyến, cửa hàng kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, tài khoản quảng cáo trực tuyến, nghiên cứu thị trường trực tuyến; hình thành kỹ năng thiết kế, xây dựng và quản lý trang web kinh doanh trực tuyến; phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm qua các dự án kinh doanh trực tuyến thực tế hoặc mô phỏng. Bên cạnh đó, người học có tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ các quy tắc an ninh, an toàn mạng khi tham gia kinh doanh trực tuyến; chủ động, sáng tạo thực hiện dự án khởi nghiệp kinh doanh trong môi trường phát triển công nghệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Việt Khôi, *Giáo trình thương mại điện tử từ lý thuyết đến ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

[2] Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), *Giáo trình Thương mại điện tử*, NXB Tài chính, 2019.

3.43. Phân tích định lượng trong kinh doanh (67513)

- Số tín chỉ: (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (67482).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu các kiến thức cơ bản về việc sử dụng của các phương pháp định lượng trong giải quyết vấn đề kinh doanh và ra quyết định, các kỹ thuật thống kê và định lượng áp dụng cho một số tình huống kinh doanh; Nhận ra các kỹ thuật cụ thể và ứng dụng của chúng để áp dụng vào việc giải quyết vấn đề và cho ra quyết định mang tính quản lý; Giới thiệu mở rộng các công cụ, kỹ thuật thường được sử dụng trong kinh doanh, kinh tế và quản lý. Có khả năng xem xét các vấn đề kinh doanh từ góc độ định lượng, vận dụng phương pháp định lượng thích hợp để thực hiện phân tích và đề xuất các hành động để ra quyết định kinh doanh. Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình. Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và các kiến thức có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính: Đinh Phi Hồ, *Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế*, NXB Tài Chính, 2020.

3.44. Quản trị tài chính (69153)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu những thức cơ bản về tài chính trong một doanh nghiệp như: một số khái niệm cơ bản có liên quan đến quản trị tài chính; giá trị tiền tệ theo thời gian; các loại tài sản tài chính và cách

định giá chúng; đánh giá và quyết định đầu tư tài sản cố định; các loại chi phí sử dụng vốn; phân tích báo cáo tài chính; lập kế hoạch tài chính của doanh nghiệp. Có khả năng phân tích báo cáo tài chính, lập kế hoạch tài chính, đưa ra các quyết định đầu tư tài sản tài chính và các dự án trong doanh nghiệp, tính toán cũng như quản trị được các chu kỳ hoạt động của công ty và chi phí sử dụng vốn. Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình. Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và các kiến thức có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Quang Thu, *Quản trị tài chính căn bản*, NXB Kinh tế Tp.HCM, 2017.

[2] Nguyễn Thị Cành, Nguyễn Anh Phong, *Quản trị tài chính*, NXB Hồng Đức, 2019.

3.45. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu (67143)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu các kiến thức cơ bản về lĩnh vực xuất nhập khẩu; về các điều kiện thương mại quốc tế; đàm phán, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu; cách tổ chức thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu và các chứng từ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Xây dựng và tổ chức thực hiện các thương vụ ngoại thương cơ bản; Tư duy, phân tích và ra quyết định; Đàm phán, thuyết trình và giao tiếp tốt; Soạn thảo hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu; Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng trong công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Văn Hòe và các tác giả, *Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu*, NXB Tài chính, 2023.

[2] Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt, *Giáo Trình Quản Trị Xuất Nhập Khẩu*, NXB Kinh Tế TPHCM, 2021.

[3] Tô Bình Minh (Chủ biên), *Incoterms 2020 - Giải thích và hướng dẫn sử dụng*, NXB Tài chính, 2020.

3.46. Quản trị kinh doanh quốc tế (67163)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các hình thức kinh doanh quốc tế và biết được những nền văn hoá khác nhau trong kinh doanh quốc tế; Biết được cách thức hoạt động, chiến lược điều hành của công ty đa quốc gia và tài chính quốc tế; Phân tích và vận dụng được các chiến lược quản trị nhân sự, chiến lược tổ chức, marketing quốc tế sao cho phù hợp với môi trường kinh

doanh của các khu vực, các quốc gia cụ thể. Vận dụng những kiến thức đã học để hoạch định chiến lược hoạt động cho công ty đa quốc gia và kỹ năng giao tiếp kinh doanh với đối tác nước ngoài; Tư duy, phân tích xử lý thông tin, nhận diện những cơ hội kinh doanh quốc tế; Giao tiếp, đối thoại liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế. Người học đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch chiến lược kinh doanh quốc tế ở mỗi nền văn hoá khác nhau; Vận dụng được các kỹ năng phân tích để hoạch định các chiến lược kinh doanh quốc tế hợp lý.

- Tài liệu tham khảo chính: Cao Minh Trí, Lê Vũ Linh Toàn, *Quản trị kinh doanh quốc tế*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020.

3.47. Quản trị rủi ro (67243)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu về quản trị rủi ro và các nội dung của quản trị rủi ro; Công việc và các phương pháp nhận dạng, phân tích, đo lường và kiểm soát rủi ro; Phân tích được các nguyên nhân gây ra rủi ro; Hiểu được nội dung của tài trợ rủi ro; Hiểu được các yếu tố bên ngoài tác động đến rủi ro doanh nghiệp. Nhận dạng các rủi ro có thể xảy ra cho DN; Tư duy, phân tích và ra quyết định kiểm soát rủi ro; Lập kế hoạch nội dung quản trị rủi ro phù hợp với nguồn lực DN; Có khả năng tính toán, dự báo tần suất xuất hiện và mức độ tổn thất của rủi ro. Nghiêm túc, chủ động vận dụng kiến thức của học phần vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp; Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng trong công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Ngô Quang Huân, *Quản trị rủi ro doanh nghiệp lý thuyết & tình huống*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020.

[2] Harvard Business Review, Diệu Minh (Dịch giả), *Quản lý rủi ro*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2022.

[3] Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình quản trị rủi ro ngoại hối trong kinh doanh quốc tế*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2021.

3.48. Quản trị dự án (67293)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các lý thuyết và kiến thức cốt lõi trong quản trị dự án; Biết cách chọn lựa dự án mang lại lợi ích cao; Biết cách tổ chức cơ cấu bộ máy, nắm được các yêu cầu đối với giám đốc dự án, nguyên tắc lãnh đạo và xây dựng đội ngũ dự án; Biết cách lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ và xem xét phân bổ nguồn lực thực hiện dự án; Biết cách thức kiểm soát dự án, quản trị rủi ro và hợp đồng dự án, hiểu được việc kết thúc một cách thành công dự án. Vận dụng các phương pháp, công cụ để tìm kiếm

thông tin và phát hiện cơ hội đầu tư; Vận dụng các kỹ thuật, công cụ để lập kế hoạch một dự án đầu tư; Vận dụng các kiến thức về quản trị dự án đầu tư để đưa dự án đi vào thực tế công việc và cuộc sống. Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình; Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân; Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và các kiến thức có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính: Đinh Bá Hùng Anh, *Quản trị dự án*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2019.

3.49. Quản trị thương hiệu (67333)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Marketing căn bản (70013), Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các kiến thức liên quan đến quản trị thương hiệu phân tích thị trường; định vị thương hiệu, hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra chiến lược thương hiệu, các chiến lược nhượng quyền thương hiệu. Vận dụng các kiến thức để tư duy, suy luận, phân tích các vấn đề thực tiễn từ quản trị thương hiệu của doanh nghiệp; Có kỹ năng thuyết trình, giải quyết và xử lý khủng hoảng truyền thông; kỹ năng viết và tạo dựng các nội dung quảng cáo; kỹ năng tổ chức, triển khai sự kiện thông qua làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm; Có kỹ năng đọc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng anh; kỹ năng sử dụng công nghệ trong quản trị thương hiệu. Người học có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chịu trách nhiệm về hình ảnh thương hiệu cá nhân, công việc trước tổ chức và pháp luật; Đánh giá và điều chỉnh chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính: PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh, *Giáo trình Quản trị thương hiệu*, Trường Đại học Thương Mại, NXB Thống kê, 2018.

3.50. Quản trị bán hàng (70053)

- Số tín chỉ: 3 (45, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học giải thích và sử dụng được lý thuyết về các hoạt động những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng như: dự báo nhu cầu, các kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, xây dựng, triển khai kế hoạch bán hàng hiệu quả; Phân tích và ứng dụng lý thuyết quản trị bán hàng vào thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức để suy luận, phân tích và giải quyết vấn đề mang tính lý thuyết, học thuật liên quan đến hoạt động quản trị bán hàng; Phân tích thị trường, xây dựng và triển khai các hoạt động quản lý bán hàng; Trình bày, giao tiếp trong việc thực hiện công việc; Làm việc, tổ chức, điều hành và lãnh đạo nhóm bán hàng hiệu quả. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Có năng lực làm việc độc lập và giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến

công tác quản trị bán hàng; Có trách nhiệm, điều khiển và kiểm tra hoạt động bán hàng của thành viên trong nhóm; Đánh giá và điều chỉnh chất lượng công việc bán hàng sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính: Hà Thị Thùy Dương, Quản trị bán hàng, NXB Kinh tế TP.HCM, 2021.

3.51. Khởi nghiệp kinh doanh (67393)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003), Marketing căn bản (70013).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, nhận diện được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn thảo và triển khai kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Phân tích được những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Người học phát huy tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính: Donald F Kuratko, *Khởi nghiệp kinh doanh - Lý thuyết, Quá trình, Thực tiễn*, NXB Hồng Đức, 2019.

3.52. Giao tiếp kinh doanh (67472)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong phần này, người học trình bày được khái niệm, đặc điểm, chức năng, cấu trúc, hình thức, phương tiện giao tiếp và các rào cản trong giao tiếp trong kinh doanh; phân biệt được vai trò của giao tiếp đối với đời sống và trong kinh doanh, các nguyên tắc giao tiếp kinh doanh. Biết lắng nghe hiệu quả và đặt câu hỏi; trình bày, thuyết trình có tính hệ thống, logic một chủ đề trong hoạt động kinh doanh; biết sử dụng các kỹ năng giao tiếp sơ giao, giao tiếp phi ngôn ngữ, giao tiếp đa văn hóa để tạo thiện cảm trong giao tiếp; biết giao tiếp ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, đối tác, khách hàng, chính quyền địa phương; tổ chức, điều hành một cuộc họp hiệu quả. Người học hình thành được tính chủ động, tự tin và độc lập trong giao tiếp; phát triển năng lực giao tiếp nhóm; tích cực vận dụng kiến thức giao tiếp kinh doanh vào các học phần có liên quan và thực tiễn nghề nghiệp của người học quản trị kinh doanh.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Nam Khánh Giao & các tác giả, *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*, NXB Đồng Nai, 2022.

[2] Nguyễn Văn Hùng, *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*, Tập 1, NXB Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh, 2018.

3.53. Tâm lý quản lý trong kinh doanh (67042)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý trong kinh doanh; Biết được các hiện tượng tâm lý và biết cách đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn lực con người; Hiểu phương pháp phân tích phong cách lãnh đạo. Người học xác định được các vấn đề đang diễn ra trong tổ chức và áp dụng được các kiến thức về tâm lý vào các hoạt động đó; Vận dụng các kiến thức tâm lý quản lý vào công tác tổ chức, công tác lãnh đạo. Bên cạnh đó, người học sẽ có khả năng tự định hướng và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp; Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực nhiệm vụ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Rob Ranyard, *Tâm Lý Học Kinh Tế*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2020.

[2] Nguyễn Thị Tuyết Mai, *Tập bài giảng tâm lý học quản lý*, NXB Lao Động, 2019.

3.54. Nghệ thuật lãnh đạo (67052)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được khái niệm, vai trò và hiệu quả của lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, phân tích được mối quan hệ giữa chúng; Phân tích được phẩm chất, kỹ năng lãnh đạo và phong cách lãnh đạo, thuyết lãnh đạo theo tình huống, sự lãnh đạo mới về chất và lãnh đạo ra quyết định nhóm; Hình thành được phẩm chất và kỹ năng của người lãnh đạo; Ứng dụng các kiến thức về chiến lược ảnh hưởng, phong cách lãnh đạo, lãnh đạo theo tình huống, sự lãnh đạo mới về chất và lãnh đạo ra quyết định nhóm trong tình huống cụ thể; Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán. Phát triển năng lực tư duy và giải quyết các tình huống liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Hùng và các tác giả, *Nghệ thuật lãnh đạo*, NXB Tài Chính, 2021.

3.55. Quản trị hành chính văn phòng (67192)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được tổng quan về quản trị hành chính văn phòng, các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng, công việc của thư ký và quản trị viên văn phòng; Biết được các nguyên tắc, phương pháp quản trị thông tin, quản lý thời gian, quản trị cơ sở vật chất trong văn phòng; cách tổ chức các hoạt động giao tiếp, lễ tân; tổ chức, điều hành cuộc họp, hội nghị; tổ chức chuyển công tác xa; cách soạn thảo văn bản; quản lý và lưu trữ hồ sơ tài liệu. Phân tích và quản trị thông tin trong văn phòng; Quản trị cơ sở vật chất trong văn phòng; Tổ chức nơi làm việc khoa học; các hoạt động giao tiếp, lễ tân; tổ chức, điều hành cuộc họp, hội nghị; tổ chức chuyển công tác xa; Soạn thảo

văn bản; quản lý và lưu trữ hồ sơ tài liệu; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Người học sẽ tự tổ chức công việc hành chính văn phòng; Tích cực và trách nhiệm trong việc ứng dụng các kiến thức về hành chính văn phòng vào thực tiễn doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Văn Bằng, *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Xây dựng, 2021.

3.56. Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề (67492)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học sử dụng hiệu quả kiến thức về các phương pháp tư duy trong giải quyết vấn đề như: tư duy tổng hợp, phân tích, logic, sáng tạo; các phương pháp Brainstorming, sáu chiếc nón tư duy, bản đồ tư duy, tư duy đột phá. Hình thành và phát triển kỹ năng nhận diện vấn đề, phát triển và sáng tạo các phương pháp giải quyết vấn đề, từ đó đánh giá và lựa chọn phương pháp phù hợp. Kỹ năng xây dựng, tổ chức, suy xét, sáng tạo, phản biện trong quá trình làm việc nhóm để giải quyết vấn đề. Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình. Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và các kiến thức có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Brian Tracy- Bình Minh dịch, *Thuật sáng tạo và giải quyết vấn đề*, NXB Lao động, 2018

[2] David Cotton, *Rèn luyện kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề*, NXB Lao động, 2020.

[3] Jeff Degraff & Staney Degraff, *Tư duy sáng tạo* (Nguyễn Mỹ Ngọc dịch), NXB Trẻ, 2022.

3.57. Phân tích và dự báo trong kinh doanh (67523)

- Số tín chỉ: (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063), Quản trị tài chính (69153).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu rõ các phương pháp phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế; phân tích được tình hình hoạt động thực tế và kết quả của doanh nghiệp; phán đoán được những sự kiện trong tương lai; hỗ trợ cho việc ra quyết định cũng như lập kế hoạch của các nhà quản trị trong kinh doanh; đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng và gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đinh Bá Hùng Anh, *Dự báo trong kinh doanh*, NXB Kinh Tế TP.HCM, 2016.

[2]. Phan Đức Dũng, *Phân tích và dự báo kinh doanh (Lý thuyết, bài tập và bài giải)*, NXB Lao động Xã hội, 2015.

3.58. Kế toán quản trị (68122)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kế toán quản trị, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí; Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (C-V-P); Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm; Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính: Huỳnh Lợi (chủ biên), *Kế Toán Quản Trị*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2023.

3.59. Thị trường chứng khoán (69112)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thị trường chứng khoán, người học biết được những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, chứng khoán, đặc điểm và cách định giá các chứng khoán, cơ chế hoạt động của sở giao dịch, các nghiệp vụ chủ yếu của công ty chứng khoán. Vận dụng được những kiến thức trên để giải quyết vấn đề có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Hồng Nhung (chủ biên), *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021.

[2] Nguyễn Thị Minh Huệ, *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2019.

[3] Matthew R. Kratter, *A Beginner's Guide to the Stock Market*, Independently Published, 2019.

3.60. Chuyên đề cuối khóa (67955)

- Số tín chỉ: (0, 0, 0, 0, 225)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Học phần tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tối thiểu trong chương trình đào tạo.

+ Học phần học trước: Quản trị chiến lược (67213), Quản trị tài chính (69513).

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành thực tập, viết và báo cáo Chuyên đề, người học biết được thực tiễn các hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại trong doanh nghiệp; Hiểu sâu hơn các kiến thức sản xuất, kinh doanh và thương mại đã học;

Vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học và các kỹ năng chuyên ngành về quản trị kinh doanh thực hiện khảo sát hiện trạng và phân tích thực trạng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, marketing tại đơn vị thực tập; Phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và phản biện; phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn kinh doanh tại doanh nghiệp; Phát huy năng lực tự nghiên cứu, tự học tập, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính: Tất cả các tài liệu có trong chương trình đào tạo liên quan đến vấn đề nghiên cứu và tài liệu được đơn vị thực tập cung cấp.

3.61. Quản trị KPI (67533)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị nhân lực (67123).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các kiến thức tổng quan về KPI; phương pháp xây dựng thẻ điểm cân bằng công ty, phương pháp xây dựng KPI bộ phận, vị trí; cách thức xây dựng hệ thống KPI từ công ty gắn với các phòng ban, vị trí; phương pháp xây dựng bản đồ chiến lược thực tế doanh nghiệp; người học còn được trang bị kiến thức xây dựng kế hoạch, hành động phù hợp để đạt được mục tiêu chiến lược công ty. Vận dụng các kiến thức để tư duy, suy luận, phân tích các vấn đề kết quả thực hiện quản trị doanh nghiệp; Sáng tạo đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; Có kỹ năng thuyết trình, giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; Có kỹ năng đọc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng anh; kỹ năng sử dụng công nghệ trong quản trị KPI. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chịu trách nhiệm trong công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính: Kazuya Kusumoto (Phan Thu dịch), *Quản trị KPI - Công cụ vận hành tổ chức và nhân sự một cách hiệu quả*, NXB Hồng Đức, 2022.

3.62. Quản trị quan hệ khách hàng (67543)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị marketing (67273).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp; hiểu được quy trình quản trị quan hệ khách hàng; xây dựng và phát triển được kỹ năng chăm sóc khách hàng; các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị. Vận dụng các kiến thức để tư duy, suy luận, phân tích các vấn đề kết quả thực hiện quản trị doanh nghiệp; Có kỹ năng thuyết trình, giải quyết vấn đề; kỹ năng giải

quyết xung đột; kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; Có kỹ năng đọc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng anh; kỹ năng sử dụng công nghệ trong quản trị KPI. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chịu trách nhiệm trong công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính: Ngô Thị Phương Anh, *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Thông tin và truyền thông, 2021.

3.63. Khóa luận cuối khóa (67968)

- Số tín chỉ: (0, 0, 0, 0, 480)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Học phần tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tối thiểu trong chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ loại khá trở lên tính đến thời điểm xét đơn xin làm khóa luận.

+ Học phần học trước: Quản trị chiến lược (67213), Quản trị tài chính (69513).

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành thực tập, viết và báo cáo Chuyên đề, người học biết được thực tiễn các hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại trong doanh nghiệp; Hiểu sâu hơn các kiến thức sản xuất, kinh doanh và thương mại đã học; Vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học và các kỹ năng chuyên ngành về quản trị kinh doanh thực hiện khảo sát hiện trạng và phân tích thực trạng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, marketing tại đơn vị thực tập; Phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và phản biện; phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn kinh doanh tại doanh nghiệp; Phát huy năng lực tự nghiên cứu, tự học tập, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính: Tất cả các tài liệu có trong chương trình đào tạo liên quan đến vấn đề nghiên cứu và tài liệu được đơn vị thực tập cung cấp.

3.64. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyên động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê

binh về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D)).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo toàn khóa học

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đề án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Câu hỏi gợi ý - Trình bày mẫu

Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	- Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập theo nhóm - Tương tác, phản hồi
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	- Luyện tập kỹ năng - Thực hành - Học tập theo nhóm - Thao tác mẫu
Đồ án (ĐA)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	Hướng dẫn: Nghiên cứu tài liệu, viết báo cáo, trình bày tiểu luận, khóa luận
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- Nghiên cứu tài liệu - Nghiên cứu tình huống - Xây dựng ý tưởng

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra													
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
I	Đánh giá quá trình														
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần									X			X	X	X
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ	X	X	X			X	X	X	X	X		X	X	

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	cá nhân (tự học, kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, thực hành trên lớp)													
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm (bài báo cáo, thuyết trình)	x	x	x	X	x	x		x	x	x	x	x	
II	Đánh giá cuối kỳ													
1	Thi kết thúc học phần	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Tiểu luận môn học			x		x	x			x	x	x	x	
3	Thực tập và báo cáo khóa luận/chuyên đề			x	X		x		x	x		x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Cơ sở thực hành, thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Các loại hình doanh nghiệp	Tỉnh Tiền Giang và các tỉnh, thành phố khác
2	Các ngân hàng thương mại	
3	Các sở/ngành có bộ phận kinh doanh/thương mại	

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
Tổng:		223	33.663

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Quản trị kinh doanh:

Số TT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy tính	2	200	Máy vi tính	100	1. Tin học ứng dụng cơ bản 2. Chuyển đổi số 3. Thương mại điện tử 4. Phân tích định lượng trong kinh doanh

Nhận xét chung: Căn cứ Điều 11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu thuộc Quy định 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2023, Tổ XDCTĐT có nhận xét chung về 3 điểm a), b) đối với ngành Quản trị kinh doanh như sau: Phòng học, phòng làm việc của giảng viên, học liệu và trang thiết bị máy móc đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên ngành QTKD.

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Hồ Nguyễn Diễm Tiên		Tiến sĩ	Quản lý kinh doanh nông nghiệp		QTKD
2	Lâm Thái Bảo Ngọc		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng		QTKD
3	Đặng Hải Long		Tiến sĩ	Toán giải tích		QTKD
4	Phạm Văn Ôn		Tiến sĩ	Kinh tế		QTKD
5	Nguyễn Văn Hiếu		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		QTKD
6	Bùi Quang Thịnh		Tiến sĩ	Xác suất thống kê		QTKD
7	Lê Hoàng Ân		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
8	Nguyễn Thanh Phong		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
9	Nguyễn Duy Tân		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
10	Lê Hồng Phượng		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
11	Võ Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
12	Nguyễn Thị Ngọc Phương		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
13	Trần Thị Bích Tuyền		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
14	Võ Xuân Hương		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
15	Phan Hữu Trung		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
16	Phan Thị Cẩm Hồng		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
17	Lê Hoàng Vân Trang		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
18	Phạm Văn Thanh Tùng		Thạc sĩ	QTKD		QTKD

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
19	Trần Ngọc Ân		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
20	Bùi Ngọc Bảo Quốc		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
21	Nguyễn Hồng Nhung		Thạc sĩ	Kế toán		QTKD
22	Trần Thị Hoài Thu		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		QTKD
23	Nguyễn Thị Băng Tuyền		Thạc sĩ	Luật kinh tế		QTKD
24	Nguyễn Thị Thúy Hằng		Thạc sĩ	Chính trị học		QTKD
25	Nguyễn Thị Anh Thư		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh		QTKD
26	Nguyễn Võ Hữu Trí		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		QTKD

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thanh Vũ	Công ty phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang		Tiến sĩ	QTKD		QTKD
2	Nguyễn Thanh Vượng	Đại học Tài chính-Marketing		Tiến sĩ	Kinh tế		QTKD
3	Văn Thị Vàng	ĐH Kinh tế CN Long An		Thạc sĩ	QTKD		QTKD
4	Lê Văn Truyền	Cục Thuế Tỉnh Long An		Thạc sĩ	QTKD		QTKD

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
5	Nguyễn Huỳnh Hùng	Ngân hàng SHB Chi nhánh TG		Thạc sỹ	QTKD		QTKD

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Lê Anh Khoa		Thạc sỹ	Khoa học máy tính	
2	Lê Phương Vũ Phong		Thạc sỹ	Khoa học máy tính	

Nhận xét chung: Căn cứ Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ thuộc Quy định 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2023, Tổ XDCTĐT có nhận xét chung về 3 điểm a), b), c) đối với ngành Quản trị kinh doanh như sau: Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng và bố trí đúng vị trí công tác; đa số giảng viên đều có thâm niên công tác giảng dạy bậc đại học thuộc các lĩnh vực chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, quản lý kinh doanh và khối kiến thức đại cương các học phần thuộc CTĐT QTKD; các giảng viên được đào tạo từ những trường đại học có uy tín và danh tiếng tại Việt Nam, đặc biệt trong đó có 01 giảng viên cơ hữu của Bộ môn QTKD đã tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh doanh nông nghiệp tại Thái Lan.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình đào tạo ngành QTKD được triển khai thực hiện đào tạo chú trọng lấy người học làm trung tâm, kết hợp giảng dạy với tự học, tự nghiên cứu và thực tập của sinh viên;

- Phương pháp giảng dạy được sử dụng trong CTĐT là những phương pháp mới: Thảo luận nhóm, học bằng tình huống, seminar,... nhằm nâng cao tính chủ động, tích cực và phát triển sự tư duy, sáng tạo của người học;

- Tất cả sinh viên của khóa đào tạo bắt buộc tham gia hoạt động thực tập thực tế tại các doanh nghiệp vào học kỳ cuối của CTĐT nhằm tăng sự tương tác, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp và rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp. Đây là cơ sở để Bộ môn và Khoa đánh giá kết quả và đề nghị xét tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

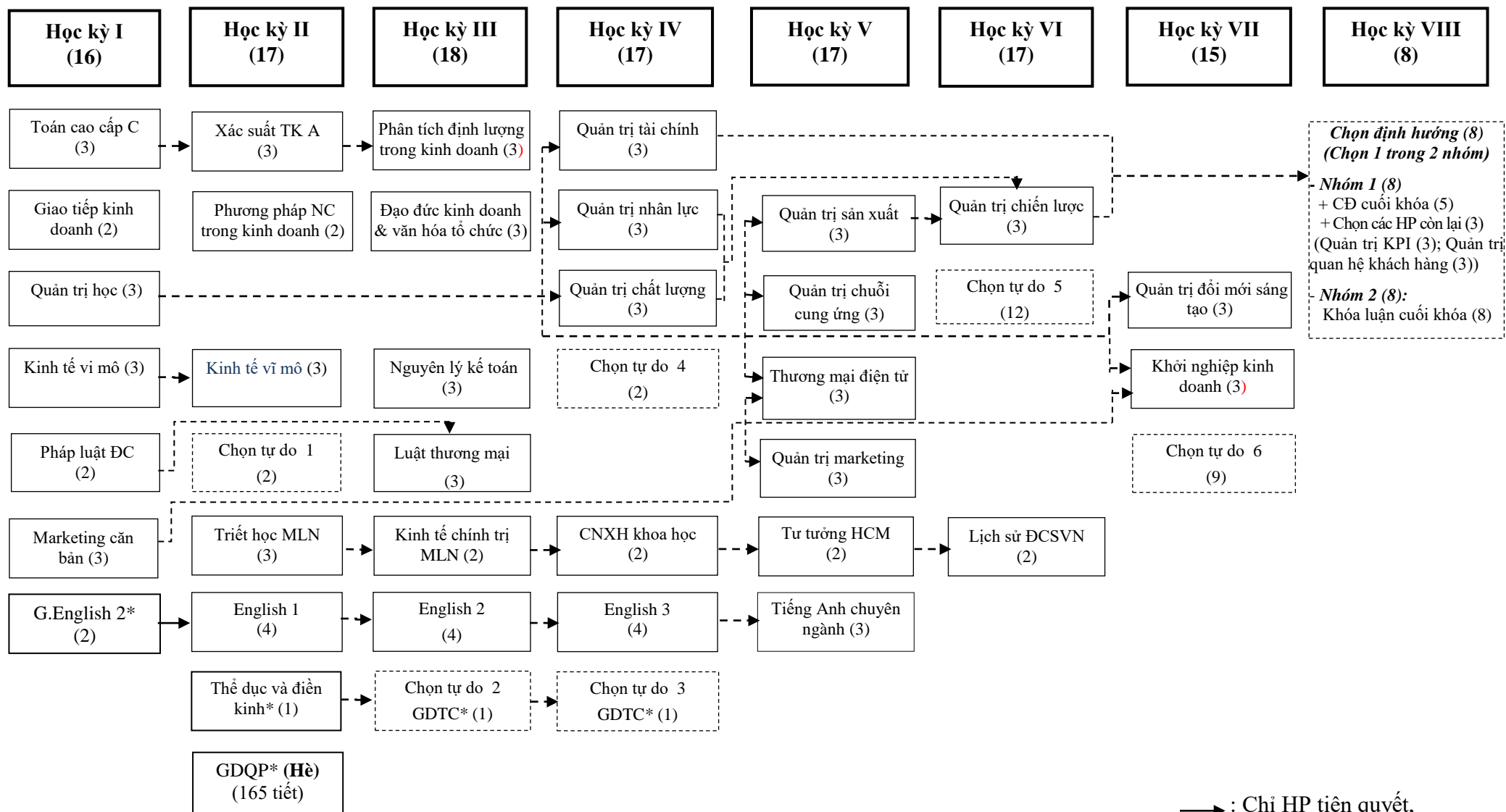
10.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM đánh giá đạt theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và cấp Giấy chứng nhận đạt kiểm định ngày 26 tháng 4 năm 2023.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Quản trị kinh doanh



→ : Chỉ HP tiên quyết,
 - - → : Chỉ HP học trước
 (x): Số tín chỉ
 (*): HP điều kiện

PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	16		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x												
III	17	67513	Phân tích định lượng trong kinh doanh			x	x		x			x		x	x	
	18	67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức			x	x		x		x		x	x		x
	19	68063	Nguyên lý kế toán	x		x						x				
	20	71073	Luật thương mại		x				x					x		
	21	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x					x		x			x		x
	22	08034	English 2	x						x				x		
	23	12391	Bóng chuyền 1*	x												
	24	12401	Cầu lông 1*	x										x		x
	25	12271	Đá cầu 1*	x										x		
	26	12411	Bóng rổ 1*	x										x		
IV	27	69153	Quản trị tài chính			x			x			x			x	x
	28	67123	Quản trị nhân lực			x	x		x		x	x		x	x	x
	29	67173	Quản trị chất lượng			x	x		x	x	x				x	x
	30	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		x				x					x		
	31	69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ		x				x					x		x
	32	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x					x					x		x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	33	08044	English 3	x						x					x	
	34	12441	Bóng chuyền 2*	x												
	35	12481	Cầu lông 2*	x										x		x
	36	12281	Đá cầu 2*	x										x		
	37	12461	Bóng rổ 2*	x										x		
V	38	67233	Quản trị sản xuất			x			x			x			x	x
	39	67313	Quản trị chuỗi cung ứng			x			x			x		x	x	x
	40	67343	Thương mại điện tử			x	x	x	x		x	x	x		x	x
	41	67273	Quản trị Marketing			x	x		x		x	x		x	x	x
	42	67183	Tiếng Anh chuyên ngành	x		x				x	x			x		x
	43	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											x	x
VI	44	67213	Quản trị chiến lược			x	x		x			x		x		x
	45	67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu			x			x		x			x	x	
	46	67163	Quản trị kinh doanh quốc tế			x	x				x	x				x
	47	67243	Quản trị rủi ro			x			x			x		x		x
	48	67293	Quản trị dự án		x	x		x	x		x	x		x	x	
	49	67333	Quản trị thương hiệu			x	x		x		x	x	x	x		x
	50	70053	Quản trị bán hàng			x	x				x	x		x		x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	51	03022	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	x					x					x	x	x
VII	52	67393	Khởi nghiệp kinh doanh			x		x		x	x	x			x	x
	53	67223	Quản trị đổi mới sáng tạo			x			x		x		x	x	x	
	54	67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh			x			x			x			x	x
	55	67052	Nghệ thuật lãnh đạo			x	x		x		x	x		x	x	
	56	67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề			x		x	x			x		x	x	
	57	67192	Quản trị hành chính văn phòng			x		x	x		x			x	x	
	58	67523	Phân tích và dự báo trong kinh doanh			x			x			x			x	
	59	68122	Kế toán quản trị		x				x						x	x
	60	69112	Thị trường chứng khoán		x	x			x			x		x		x
	VIII	61	67955	Chuyên đề cuối khóa		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
62		67533	Quản trị KPI			x			x		x	x		x	x	
63		67543	Quản trị quan hệ khách hàng			x			x		x			x	x	
64		67968	Khóa luận cuối khóa		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

